

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An dự thảo Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật quy định viển dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã;
- Báo và PTTH Nghệ An, Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương để phát triển công nghiệp bán dẫn, Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An, gồm:

1. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo:

a) Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

b) Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

3. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ:

a) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số.

b) Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số.

c) Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm.

d) Tư vấn khởi nghiệp.

đ) Mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

4. Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ.

5. Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí để sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, doanh nghiệp trong nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức khoa học và công nghệ; cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo; tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thực hiện dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số đăng ký hoạt động, triển khai dự án hoặc có cam kết triển khai hoạt động tại tỉnh Nghệ An.

3. Chuyên gia, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao tham gia làm việc, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ cho các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, không trùng lặp, phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Nghệ An.

2. Chính sách hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư, sau nghiệm thu hoặc sau khi có kết quả, sản phẩm, chứng từ hợp lệ, trừ trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định pháp luật.

3. Một nội dung chi chỉ được hỗ trợ một lần từ ngân sách nhà nước. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng nội dung chi thì được lựa chọn chính sách có lợi nhất, nhưng không được nhận hỗ trợ trùng lặp.

4. Tổng mức hỗ trợ cho một dự án không vượt quá tổng chi phí thực tế hợp lệ, đã được nghiệm thu, thanh toán và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

5. Dự án được hỗ trợ phải có đóng góp rõ ràng cho tỉnh Nghệ An, ưu tiên các dự án tạo việc làm chất lượng cao, phát triển nhân lực địa phương, hình thành năng lực nghiên cứu - thiết kế - thử nghiệm, thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số, tăng tỷ lệ nội địa hóa, tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn và tạo sản phẩm có khả năng thương mại hóa.

6. Không hỗ trợ đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư; dự án đang bị xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường, sở hữu trí tuệ; dự án có hồ sơ giả mạo, không trung thực hoặc không thực hiện đúng cam kết.

7. Thông tin về dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ theo quy định pháp luật.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN VÀ MỨC HỖ TRỢ

Mục 1

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 4. Đối tượng, tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp thực hiện các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, hệ thống trí tuệ nhân tạo được định nghĩa tại khoản 2 Điều 3 Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15. Dự án có tổng vốn đầu tư từ 90 tỷ Việt Nam Đồng.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Có nhu cầu thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Nhân sự được thuê phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 hoặc Điều 8 hoặc Điều 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

b) Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho dự án.

c) Có nội dung đào tạo gắn với sản phẩm, công nghệ, dây chuyền, nền tảng, giải pháp hoặc hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án.

d) Ưu tiên dự án có cam kết tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động tại Nghệ An.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu pháp lý tương đương đối với dự án thuộc diện phải thực hiện thủ tục đầu tư.

b) Có hợp đồng lao động, thỏa thuận hợp tác, quyết định cử đi đào tạo hoặc hợp đồng đào tạo.

c) Nhân lực được hỗ trợ phải làm việc trực tiếp cho dự án tại Nghệ An hoặc tham gia trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu, sản xuất, thiết kế, thử nghiệm, vận hành, chuyển giao công nghệ của dự án.

d) Đối với đào tạo, người lao động sau đào tạo phải có cam kết làm việc cho doanh nghiệp tối thiểu 12 tháng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao
 - a) Hỗ trợ 50% chi phí tiền lương, tiền công hoặc thù lao theo hợp đồng cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.
 - b) Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/người.
 - c) Mức hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/người/tháng.
 - d) Số lượng hỗ trợ tối đa 03 người/dự án.
 - đ) Tổng mức hỗ trợ tối đa 2,5 tỷ đồng/dự án.
2. Hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nhân lực
 - a) Hỗ trợ 50% học phí, chi phí đào tạo, chi phí bồi dưỡng chuyên môn, chi phí cấp chứng chỉ nghề nghiệp, chứng chỉ kỹ thuật chuyên ngành.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/người/khóa đối với đào tạo nhân lực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, điện toán đám mây, thiết kế vi mạch.
 - c) Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/người/khóa đối với các nhóm nhân lực công nghiệp công nghệ số khác.
 - d) Tổng mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án.
3. Hỗ trợ mời chuyên gia, giảng viên, tổ chức đào tạo chuyên sâu
 - a) Hỗ trợ 50% chi phí thuê chuyên gia, giảng viên, tổ chức đào tạo trong nước hoặc quốc tế để đào tạo nhân lực cho dự án.
 - b) Nội dung hỗ trợ gồm thù lao chuyên gia, tài liệu đào tạo, chi phí phòng học, phòng lab, phần mềm phục vụ đào tạo, chi phí kiểm tra, đánh giá và cấp chứng nhận.
 - c) Mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

Mục 2

HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT SẢN PHẨM, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 6. Đối tượng, tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ
 - a) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm.
 - b) Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.
 - c) Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.
2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 90 tỷ Việt Nam Đồng trở lên, không bao gồm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng do Nhà nước thực hiện.

b) Dự án đáp ứng các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Dự án có biên bản ghi nhớ hợp tác với tỉnh, trong đó phải có chương trình hợp tác đào tạo, bồi dưỡng hoặc nâng cao kỹ năng số cho người địa phương trong thời gian 03 năm đầu kể từ khi dự án đi vào vận hành.

d) Đối với trường hợp hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, ngoài các tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Điều này, sản phẩm của dự án phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

đ) Đối với trường hợp hỗ trợ dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, ngoài các tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Điều này, sản phẩm của dự án phải thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm hoặc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

e) Đối với trường hợp hỗ trợ dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, ngoài các tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Điều này, dự án phải đạt tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu TIER III về hạ tầng và có cam kết về chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng ở mức tiên tiến.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Nghệ An cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc có hồ sơ pháp lý tương đương theo quy định.

b) Phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế hoặc quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.

c) Nhà đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ; không có nợ thuế quá hạn, không bị xử lý vi phạm nghiêm trọng về môi trường, lao động, đất đai, đầu tư, sở hữu trí tuệ.

d) Có báo cáo tài chính, phương án tài chính hoặc tài liệu chứng minh năng lực tài chính khả thi.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất phục vụ trực tiếp cho dự án.

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu bên trong dự án bao gồm hệ thống điện, nước, xử lý chất thải, hạ tầng mạng, hạ tầng phòng máy, hạ tầng an toàn thông tin, đường giao thông nội bộ phục vụ trực tiếp dự án.

c) Trang thiết bị máy móc phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, nghiên cứu và phát triển, đóng gói, kiểm thử sản phẩm (áp dụng cho các dự án chip bán dẫn hoặc sản phẩm công nghệ số trọng điểm).

2. Mức hỗ trợ: 30% chi phí đầu tư của dự án nhưng tối đa không quá 25 tỷ đồng/dự án. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 lần.

Mục 3

HỖ TRỢ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRONG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 8. Đối tượng, tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số có dự án triển khai trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp được thành lập không quá 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Dự án có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, đổi mới sáng tạo hoặc tài sản trí tuệ.

c) Sản phẩm, dịch vụ đã qua giai đoạn ý tưởng, có sản phẩm mẫu, bản thử nghiệm, người dùng thử nghiệm, khách hàng đầu tiên hoặc kế hoạch thương mại hóa rõ ràng.

d) Dự án giải quyết bài toán thực tiễn của tỉnh Nghệ An hoặc có khả năng mở rộng thị trường ngoài tỉnh.

đ) Ưu tiên dự án trong các lĩnh vực: nông nghiệp số, y tế số, giáo dục số, du lịch số, logistics, thương mại điện tử, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, IoT, an toàn thông tin, nền tảng quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa, giải pháp số cho cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương.

b) Có thuyết minh dự án, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sử dụng kinh phí hỗ trợ.

c) Được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu về tính đổi mới sáng tạo, tính khả thi, khả năng thương mại hóa và tác động kinh tế - xã hội.

d) Cam kết duy trì hoạt động tại Nghệ An tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm
 - a) Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, thiết kế, hoàn thiện sản phẩm mẫu, thử nghiệm kỹ thuật, kiểm thử người dùng, thử nghiệm thị trường.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án.
2. Hỗ trợ tư vấn khởi nghiệp
 - a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp lý, tài chính, kế toán, sở hữu trí tuệ, mô hình kinh doanh, gọi vốn, tiêu chuẩn chất lượng.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án.
3. Hỗ trợ mua công nghệ và đổi mới công nghệ
 - a) Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, dữ liệu, công cụ phát triển sản phẩm, dịch vụ điện toán đám mây, nền tảng thử nghiệm.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/dự án.
4. Hỗ trợ đào tạo phát triển năng lực khởi nghiệp
 - a) Hỗ trợ chi phí tham gia khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, bán hàng số, quản trị tài chính, sở hữu trí tuệ, gọi vốn.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án.
5. Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án khởi nghiệp sáng tạo không quá 600 triệu đồng/dự án.

Mục 4.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN DỰ ÁN THIẾT KẾ CHÍP BÁN DẪN

Điều 10. Đối tượng, tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn, thiết kế vi mạch, kiểm thử thiết kế, phát triển IP lõi, thiết kế hệ thống trên chip, thiết kế chip AI, chip IoT, chip chuyên dụng hoặc các sản phẩm liên quan đến thiết kế bán dẫn.
2. Tiêu chí hỗ trợ
 - a) Dự án có hoạt động nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng, kiểm thử, sản xuất thử nghiệm hoặc thương mại hóa sản phẩm thiết kế chip bán dẫn.

b) Có đội ngũ kỹ sư, chuyên gia phù hợp với lĩnh vực thiết kế vi mạch, điện tử, công nghệ thông tin, tự động hóa, vật liệu bán dẫn hoặc lĩnh vực liên quan.

c) Có hợp tác hoặc kế hoạch hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp thiết kế, đóng gói, kiểm thử chip trong nước hoặc nước ngoài.

d) Có khả năng hình thành năng lực thiết kế, thử nghiệm, đào tạo nhân lực bán dẫn tại Nghệ An.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia làm việc trực tiếp cho dự án.

b) Có sản phẩm mẫu, thiết kế sở hữu trí tuệ, bản mô phỏng, thư viện thiết kế, kết quả kiểm thử hoặc kế hoạch phát triển sản phẩm cụ thể.

c) Có phương án tài chính khả thi, kế hoạch thương mại hóa hoặc kế hoạch ứng dụng sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, đô thị thông minh, quốc phòng - an ninh, y tế, giáo dục, giao thông, AI, IoT.

d) Cam kết duy trì hoạt động nghiên cứu, thiết kế hoặc phát triển sản phẩm tại Nghệ An tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

Điều 11. Nội dung và mức hỗ trợ dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Hỗ trợ chi phí phục vụ đào tạo, nghiên cứu và thiết kế

a) Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm thiết bị phòng Lab, máy chủ, trạm thiết kế, phần mềm thiết kế vi mạch, phần mềm mô phỏng, công cụ EDA, thư viện IP, nền tảng kiểm thử.

b) Mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/dự án.

2. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm

a) Hỗ trợ 40% chi phí nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng, tape-out thử nghiệm, MPW, vật tư tiêu hao, kiểm thử mẫu, đăng ký sở hữu trí tuệ.

b) Mức hỗ trợ tối đa 05 tỷ đồng/dự án.

3. Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ

a) Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm thiết bị, công nghệ, nền tảng, bản quyền công nghệ phục vụ nghiên cứu, kiểm thử, đánh giá, hoàn thiện sản phẩm thiết kế chip.

b) Mức hỗ trợ tối đa 15 tỷ đồng/dự án.

4. Hỗ trợ đào tạo chuyên sâu nhân lực thiết kế chip

a) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về thiết kế vi mạch, verification, physical design, embedded system, semiconductor testing, chip packaging, AI chip, IoT chip.

b) Mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

5. Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án thiết kế chip bán dẫn không quá 25 tỷ đồng/dự án.

Mục 5

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG BÁN DẪN

Điều 12. Đối tượng, tiêu chí và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ gồm

- a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn.
- b) Dự án sản xuất thiết bị điện tử có sử dụng chip bán dẫn, linh kiện bán dẫn hoặc có khả năng tham gia chuỗi cung ứng thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

- a) Dự án sản xuất vật tư, linh kiện, khuôn mẫu, thiết bị, bộ phận, vật liệu, hóa chất, cơ khí chính xác, thiết bị điện tử, thiết bị IoT, cảm biến, module, bảng mạch, thiết bị tự động hóa hoặc sản phẩm phụ trợ phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho công nghiệp bán dẫn.
- b) Sản phẩm có khả năng tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn, chuỗi cung ứng điện tử, chuỗi cung ứng thiết bị thông minh hoặc có khả năng thay thế nhập khẩu.
- c) Dự án có hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận hợp tác, đơn đặt hàng, thư quan tâm hoặc tài liệu chứng minh nhu cầu thị trường từ doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng.
- d) Có phương án nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ, cải tiến quy trình, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng.
- đ) Dự án được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Nghệ An cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Điều kiện hỗ trợ

- a) Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên.
- b) Có năng lực nghiên cứu, thiết kế, sản xuất hoặc lắp ráp trong lĩnh vực điện tử, vi mạch, cơ khí chính xác, tự động hóa, vật liệu, thiết bị công nghiệp hoặc lĩnh vực liên quan.
- c) Có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia phù hợp với lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu bán dẫn, cơ điện tử, tự động hóa hoặc kỹ thuật điều khiển.
- d) Có phương án tài chính khả thi, kế hoạch thương mại hóa rõ ràng, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô.

Điều 13. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ sản xuất mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm thử nghiệm
 - a) Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao, sản xuất sản phẩm mẫu, sản phẩm thử nghiệm, lô thử nghiệm đầu tiên.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 05 tỷ đồng/dự án.
2. Hỗ trợ mua công nghệ
 - a) Hỗ trợ 50% chi phí mua công nghệ, nhận chuyển giao công nghệ, mua bản quyền công nghệ, phần mềm kỹ thuật, quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất sản phẩm phụ trợ bán dẫn hoặc thiết bị điện tử.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/dự án.
3. Hỗ trợ đổi mới công nghệ
 - a) Hỗ trợ 25% chi phí cải tiến, đổi mới dây chuyền, nâng cấp thiết bị, tự động hóa quy trình, số hóa quản trị sản xuất, nâng cao độ chính xác, độ tin cậy của sản phẩm.
 - b) Mức hỗ trợ tối đa 05 tỷ đồng/dự án.
4. Tổng mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ

Điều 14. Cơ quan tiếp nhận và hình thức nộp hồ sơ

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ.
2. Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các hình thức sau
 - a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An.
 - b) Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 15. Trình tự giải quyết hồ sơ

1. Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo Mẫu số NACNS16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản theo Mẫu số NACNS17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này hoặc qua hệ thống điện tử để tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
2. Bước 2: Thành lập Hội đồng thẩm định

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định bằng Quyết định thành lập hội đồng thẩm định theo Mẫu số NACNS18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này hoặc thành lập Hội đồng thẩm định theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bước 3: Tổ chức thẩm định

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định được thành lập, Hội đồng tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá tiêu chí, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ; trường hợp cần thiết có thể khảo sát thực tế, lấy ý kiến chuyên gia, lấy ý kiến cơ quan liên quan.

4. Bước 4: Tổng hợp, trình quyết định hỗ trợ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, lập báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số NACNS21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, dự thảo quyết định hỗ trợ hoặc văn bản không hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Bước 5: Quyết định hỗ trợ

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ bằng Quyết định hỗ trợ theo Phần A Mẫu số NACNS22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Trường hợp không hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do theo Phần B Mẫu số NACNS22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Bước 6: Ký cam kết, giải ngân và giám sát

Sau khi có quyết định hỗ trợ, tổ chức, doanh nghiệp ký cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích, thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và hoàn trả kinh phí nếu vi phạm. Việc giải ngân thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính, kế toán và quyết định hỗ trợ được phê duyệt.

Điều 16. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định do đại diện Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng gồm đại diện các cơ quan: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Cục Thuế tỉnh, cơ quan chuyên môn liên quan và chuyên gia độc lập trong lĩnh vực công nghệ số, bán dẫn, tài chính, đầu tư, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và kiến nghị mức hỗ trợ. Trường hợp ý kiến của thành viên ngang nhau (50/50) thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

4. Hội đồng thẩm định xem xét, cho ý kiến về hồ sơ theo các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng gửi kết quả thẩm định cho Sở Khoa học và Công nghệ bằng Biên bản cuộc họp có xác nhận của các thành viên Hội đồng theo Mẫu số NACNS20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Kinh phí chi cho Hội đồng thẩm định hồ sơ được cân đối từ nguồn chi thường xuyên của Sở Khoa học và Công nghệ gồm chi tiền thù lao và chi hậu cần phục vụ hoạt động của Hội đồng thẩm định. Xây dựng dự toán chi hậu cần phục vụ hoạt động của Hội đồng thẩm định trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Chi tiền thù lao cho thành viên Hội đồng thẩm định như sau

- a) Chủ tịch hội đồng thẩm định: 1.500.000 đồng/hồ sơ.
- b) Thành viên hội đồng: 1.200.000 đồng/người/hồ sơ.
- c) Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người/hồ sơ
- d) Đại biểu tham dự: 200.000 đồng/người/hồ sơ.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số NACNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Thuyết minh dự án đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số NACNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Tài liệu pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

4. Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí, điều kiện hỗ trợ theo từng nhóm chính sách.

5. Hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí thực tế hợp lệ: hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán, biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao, báo cáo quyết toán, chứng nhận, kết quả kiểm định, kết quả thử nghiệm, tài liệu kỹ thuật.

6. Báo cáo tài chính của năm gần nhất hoặc tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

7. Văn bản xác nhận không nợ thuế quá hạn hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

8. Cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích; cam kết duy trì hoạt động tại Nghệ An; cam kết thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và hoàn trả kinh phí nếu vi phạm theo Mẫu số NACNS08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Cam kết không nhận hỗ trợ trùng lặp cho cùng một nội dung chi theo Mẫu số NACNS09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 18. Hồ sơ riêng theo từng nhóm hỗ trợ

1. Đối với hỗ trợ nhân lực: bổ sung hợp đồng lao động, hợp đồng chuyên gia; nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, hồ sơ năng lực chuyên gia; nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, chương trình đào tạo, danh sách người học, chứng chỉ hoàn thành khóa học, chứng từ thanh toán chi phí đào tạo.

2. Đối với dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số: bổ sung hồ sơ kỹ thuật, danh mục máy móc thiết bị, tài liệu chứng minh sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm hoặc lĩnh vực công nghệ số ưu tiên.

3. Đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo: bổ sung tài liệu chứng minh thời gian thành lập doanh nghiệp, mô hình kinh doanh, sản phẩm mẫu, kết quả thử nghiệm, khách hàng thử nghiệm hoặc kế hoạch thương mại hóa.

4. Đối với dự án thiết kế chip bán dẫn: bổ sung hồ sơ thiết kế, kết quả mô phỏng, tài liệu IP, hồ sơ công cụ thiết kế, hợp đồng phần mềm EDA, danh sách kỹ sư, chuyên gia, hợp đồng hợp tác với viện, trường, doanh nghiệp.

5. Đối với dự án tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn: bổ sung hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận hợp tác, đơn đặt hàng, tài liệu chứng minh khả năng tham gia chuỗi cung ứng, kết quả đo kiểm, chứng nhận chất lượng nếu có.

Chương IV

KINH PHÍ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ được bảo đảm từ ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn chi đầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Việc bố trí, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh.

Điều 20. Giám sát và đánh giá

1. Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hằng năm về tiến độ triển khai dự án, tình hình sử dụng kinh phí hỗ

trợ, kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị theo Mẫu số NACNS24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này .

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Nội dung đánh giá gồm:

a) Số lượng dự án được hỗ trợ.

b) Tổng kinh phí đã hỗ trợ.

c) Số lao động chất lượng cao được thu hút, đào tạo.

d) Số sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được phát triển.

đ) Số sản phẩm mẫu, công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, tài sản trí tuệ được hình thành.

e) Doanh thu, việc làm, đóng góp ngân sách, tỷ lệ nội địa hóa, khả năng tham gia chuỗi cung ứng.

g) Hiệu quả lan tỏa đối với hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số của tỉnh.

Điều 21. Xử lý vi phạm và hoàn trả kinh phí

1. Tổ chức, doanh nghiệp phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí hỗ trợ trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng kinh phí hỗ trợ sai mục đích.

b) Không triển khai dự án hoặc dừng dự án không có lý do chính đáng.

c) Không thực hiện đúng cam kết duy trì hoạt động tại Nghệ An.

d) Cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin không trung thực.

đ) Nhận hỗ trợ trùng lặp cho cùng một nội dung chi.

e) Vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình triển khai dự án.

2. Trường hợp có hành vi gian dối, giả mạo hồ sơ, chứng từ để chiếm đoạt kinh phí hỗ trợ thì tùy tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật; đồng thời không được xem xét hỗ trợ từ chính sách này trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ đối với trường hợp vi phạm.